

Tên cơ quan cấp trên: ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Đơn vị báo cáo: Trường Quốc tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Quốc tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý IV năm 2025 như sau

ĐV tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                                        | Dự toán năm    | Ước thực hiện Quý IV năm 2025 | Ước thực hiện/ Dự toán năm | Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước |
|-------|-----------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                     | -              | -                             |                            |                                                |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                              |                |                               |                            |                                                |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                |                |                               |                            |                                                |
| III   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                         |                |                               |                            |                                                |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                  | 12.222.915.860 | 2.496.828.883                 | 20,43%                     |                                                |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                      | 11.281.567.860 | 1.556.620.463                 | 13,80%                     |                                                |
|       | Chi quản lý hành chính                                          |                |                               |                            |                                                |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                             | 2.275.521.250  | 565.520.100                   | 24,85%                     |                                                |
| 2.1   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (Loại 100 - Khoản 101)      | 2.275.521.250  | 565.520.100                   |                            |                                                |
|       | Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp ĐHQGHN                          | 2.275.521.250  | 565.520.100                   |                            | 246%                                           |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                  | -              |                               |                            |                                                |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                            | -              |                               |                            |                                                |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (Loại 070- Khoản 081) | 9.006.046.610  | 991.100.363                   | 11,00%                     |                                                |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                  | 7.315.046.610  | 438.176.363                   | 5,99%                      |                                                |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                            | 1.691.000.000  | 552.924.000                   | 32,70%                     |                                                |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                          |                |                               |                            |                                                |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                                              |                |                               |                            |                                                |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Ước thực hiện Quý IV năm 2025 | Ước thực hiện/ Dự toán năm | Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                               |                            |                                                |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | -           | -                             |                            |                                                |
| 7.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | -           |                               |                            |                                                |
| 7.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | -           | -                             |                            |                                                |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                               |                            |                                                |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                               |                            |                                                |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                               |                            |                                                |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               | 941.348.000 | 940.208.420                   | 99,88%                     |                                                |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |             |                               |                            |                                                |

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị**



**Phùng Danh Thắng**